

	
Xin chào	chào mừng
	
Chào buổi sáng	vâng
	
Chào buổi tối	không
	
Tạm biệt	Chào buổi chiều

hoş geldiniz Chào mừng bạn đến với nhà của chúng tôi. Evimize hoş geldiniz. 1. ders · Selamlaşma	Merhaba Xin chào, bạn có khỏe không? Merhaba, nasılsın? 1. ders · Selamlaşma
evet Vâng, tôi hiểu rồi. Evet, anlıyorum. 1. ders · Selamlaşma	Günaydın Chào buổi sáng! Günaydın! 1. ders · Selamlaşma
hayır Cô ấy nói không. Hayır dedi. 1. ders · Selamlaşma	İyi akşamlar Chào buổi tối! İyi akşamlar! 1. ders · Selamlaşma
Tünaydın Chào buổi chiều! Tünaydın! 1. ders · Selamlaşma	Hoşça kal Tạm biệt, Anna! Hoşça kal, Anna! 1. ders · Selamlaşma



**Hẹn gặp lại bạn
sớm**



**Hẹn gặp lại bạn vào
ngày mai**



**Rất vui được gặp
bạn**



Bạn khỏe không?

Yarın görüşürüz

Hẹn gặp lại bạn vào ngày
mai!
Yarın görüşürüz!

1. ders · Selamlaşma

Yakında görüşürüz

Hẹn gặp lại bạn sớm, Mia!
Yakında görüşürüz, Mia!

1. ders · Selamlaşma

Nasılsın?

Hôm nay bạn khỏe không?
Bugün nasılsın?

1. ders · Selamlaşma

Memnun oldum

Rất vui được gặp bạn!
Ben de memnun oldum!

1. ders · Selamlaşma